

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/DS-ST

Ngày: 13-3-2024

V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 547/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1990. Địa chỉ: số 5/2, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1990; địa chỉ: số 211, ấp M, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Bé H, sinh năm 1971 (tên thường gọi T); địa chỉ: số 66/2, ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2023, bản khai ngày 01/02/2024, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Lê Thị Thanh N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Văn L trình bày:

Trước đây, ông Huỳnh Văn L có bán thức ăn chăn nuôi gia súc (chăn nuôi heo) cho bà Võ Thị Bé H (bà Bé Hai có tên thường gọi T) việc chăn nuôi phục vụ kinh tế cho cá nhân bà Bé H. Hình thức mua bán hai bên thỏa thuận là ông Huỳnh Văn L bán trước sau đó đến vụ tổng kết nợ lại thì bà Bé H trả nợ. Ngày 30/8/2023, giữa ông L và bà Bé H tổng kết lại thì bà Bé H còn nợ ông số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi là 96.876.000 đồng. Bà Bé H có ký tên xác nhận trong sổ giao nhận thức ăn đã cung cấp cho Tòa án.

Cũng do có mối quen biết nhau từ việc mua bán thức ăn chăn nuôi nên ông Huỳnh Văn L có cho bà Võ Thị Bé H vay tiền với những lần cụ thể như sau:

- Ngày 11/8/2023, ông Huỳnh Văn L có cho bà Võ Thị Bé H vay số tiền 40.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả 02/9/2023, mục đích vay để bà Bé Hai mua heo giống.

- Ngày 22/8/2023, ông Huỳnh Văn L có cho bà Võ Thị Bé H vay số tiền 20.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả 02/9/2023, mục đích vay để bà Bé Hai mua heo giống.

- Ngày 24/8/2023, ông Huỳnh Văn L có cho bà Võ Thị Bé H vay số tiền 10.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả 02/9/2023, mục đích vay để bà Bé Hai mua heo giống.

- Ngày 30/8/2023, ông Huỳnh Văn L có cho bà Bé H vay số tiền 7.500.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả 02/9/2023, mục đích vay mua heo giống.

Các lần ông Huỳnh Văn L cho bà Bé H vay tiền nói trên thì bà Bé H có ký tên vay tiền của vào sổ theo dõi nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Khi đến hạn trả tiền, bà Bé H không thực hiện việc trả nợ như đã thỏa thuận của các khoản vay ngày 11/8/2023, ngày 22/8/2023, ngày 24/8/2023 và ngày 30/8/2023. Như vậy, số tiền vay bà Bé H còn nợ ông L là 77.500.000 đồng.

Tổng số tiền nợ mua bán thức ăn chăn nuôi và tiền vay bà Bé H còn nợ ông L là 174.376.000 đồng.

Ông Huỳnh Văn L có đòi nhiều lần nhưng bà Bé H không trả tiền thức ăn và tiền vay cho ông Huỳnh Văn L.

Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ thời điểm khởi kiện cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 0.83%/tháng, nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi từ thời điểm khởi kiện cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 0.83%/tháng.

Nay ông Huỳnh Văn L khởi kiện yêu cầu giải quyết như sau: buộc bà Võ Thị Bé H có nghĩa vụ trả lại cho ông Huỳnh Văn L số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi nợ là 96.876.000 đồng và số tiền vay còn nợ là 77.500.000 đồng, tổng cộng là 174.376.000 đồng (Một trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn đồng). Ông Huỳnh Văn L không yêu cầu tính lãi. Nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Võ Thị Bé H vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ

vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn L yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Bé H trả tiền vay và tiền mua bán còn nợ nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều Điều 430 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Võ Thị Bé H cư trú tại ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn bà Võ Thị Bé H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, bị đơn bà Võ Thị Bé H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị Bé Hai.

[3] Đối với bị đơn bà Võ Thị Bé H thì theo xác nhận của chính quyền địa phương xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre thể hiện bà Võ Thị Bé H có tên thường gọi là Tuyết. Bà Võ Thị Bé H có đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại số 66/2, ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

[4] Về nội dung tranh chấp: Theo nội dung yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Huỳnh Văn L yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Bé H trả số tiền vay còn nợ là 77.500.000 đồng và tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn nợ là 96.876.000 đồng, tổng cộng là 174.376.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền vay và tiền mua bán thức ăn. Thấy rằng, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản gốc 01 cuốn sổ kế ô vuông, trong đó có nội dung thể hiện như sau: “11/8 chị T mượn L 40.000.000 đồng”, “22/8 mượn 20.000.000 (hai chục triệu)”, “24/8 mượn 10.000.000 (mười triệu đồng)”, “30/8 mượn 7.500.000 (bảy triệu năm trăm)”; đồng thời có thể hiện nội dung: “ngày 27/11/2022 chị T còn nợ Lập tiền cám heo là 80.000.0000 (tám chục triệu đồng chẵn)”, “29/1/2023 gởi 10.000.000 (mười triệu đồng)”, “29/7, $18^b \times 483 = 8.694.000^d$ ”, “7/8, $10^b \times 372 = 3.720.000^d$ ”, “15/8, $10^b \times 369 = 3.690.000^d$ ”, “20/8, $7^b \times 369 = 2.583.000^d$, $2^b \times 312 = 624.000^d$, $1^b \times 960 = 380.000^d$ ”, “24/8, $7^b \times 369 = 2.583.000^d$, $2^b \times 312 = 624.000^d$, $1^b \times 960 = 380.000^d$ ”, “31/8, $6^b \times 369 = 2.214.000^d$, $2^b \times 380 = 760.000^d$, $2^b \times 312 = 624.000^d$ ”.

Đối với bà Võ Thị Bé H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần và đã được tổng đạt các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, đồng thời Tòa án cũng ban hành Thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ để bà Bé H trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà Bé H không có ý kiến trình bày và vắng không có lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập xem như bà Võ Thị Bé H đã tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

[6] Trên cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn cung cấp, việc không phản đối của bị đơn Võ Thị Bé H; do đó căn cứ vào khoản 2 Điều

91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án công nhận tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp làm cơ sở xác định giữa nguyên đơn ông Huỳnh Văn L và bị đơn bà Võ Thị Bé H có xác lập, thực hiện hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản. Qua đó, thể hiện bà Bé H còn nợ ông L số tiền vay là 77.500.000 đồng và số tiền mua bán 96.876.000 đồng nhưng chưa trả. Đồng thời, có đủ cơ sở xem xét hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản được ông L và bà Bé H giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại các Điều 430, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về nghĩa vụ trả tiền: từ những căn cứ như đã nêu trên, có căn cứ xác định bị đơn bà Võ Thị Bé H chưa thanh toán cho ông Huỳnh Văn L số tiền đã vay 77.500.000 đồng và tiền mua bán 96.876.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, cần buộc bà Võ Thị Bé H có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn L số tiền tổng cộng 174.376.000 đồng là phù hợp theo quy định tại các Điều 440, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do nguyên đơn không yêu tính lãi nên không xem xét.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L được chấp nhận nên bà Võ Thị Bé H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Án phí được tính như sau: $174.376.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.718.800 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 430, 440, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn L đối với bị đơn bà Võ Thị Bé H. Buộc bà Võ Thị Bé H có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn L số tiền vay còn nợ là 77.500.000 đồng (bảy mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng) và số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 96.876.000 đồng (chín mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn đồng), tổng cộng là 174.376.000 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Võ Thị Bé H có nghĩa vụ nộp 8.718.800 đồng (tám triệu bảy trăm mười tám ngàn tám trăm đồng).

Ông Huỳnh Văn L được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.360.000 đồng (bốn triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000369 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Văn Tú

